TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÀ B** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HS-ST
Ngày: 18/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ B, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Văn Trung**

Các hội thẩm nhân dân: *Bà Phạm Thị Dần, Ông Đinh Trọng Huề*

Thư ký phiên tòa: bà Đào Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đà B, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà B tham gia phiên tòa: **Ông Lường Tiến L** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đà B, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2024/TLST-HS, ngày 20 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Như S, sinh ngày 12/5/1985; tại: xã Tr V, huyện M L, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Tr V, huyện M L, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như T, sinh năm 1956, con bà Hoàng Thị Kh, sinh năm 1960; vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 17/02/2024 đến ngày 26/02/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 19/5/1986; tại: xã B H, huyện P X, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thôn C X, xã Đ Th, huyện H Đ, Thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: thôn 4 H L, xã M L, huyện M L, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Ch (đã chết), con bà Đặng Thị T (đã chết); vợ là: Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1989 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 17/02/2024 đến ngày 26/02/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Như M, sinh ngày 05/12/1988; tại: xã Tr V, huyện M L, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Tr V, huyện M L, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp:

lao động tự do; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như T, sinh năm 1956, con bà Hoàng Thị Kh, sinh năm 1960; vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 17/02/2024 đến ngày 23/02/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn B, sinh ngày 04/02/1986; tại: xã Tr V, huyện M L, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Tr V, huyện M L, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết), con bà Nguyễn Thị X; vợ là: Đỗ Thị Th, sinh năm 1982 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 17/02/2024 đến ngày 23/02/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Như Th, sinh ngày 17/9/1997; tại: xã Tr V, huyện M L, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Tr V, huyện M L, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như Đ, sinh năm 1978, con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980; vợ là: Nguyễn Thị O, sinh năm 1997 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 17/02/2024 đến ngày 23/02/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn Q, sinh ngày 05/4/1979; tại: xã M L, huyện M L, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thôn 4 H, xã M L, huyện M L, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (đã chết), con bà Trần Thị H, sinh năm 1950; vợ là: Nguyễn Thị A, sinh năm 1986 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 17/02/2024 đến ngày 26/02/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Văn Th, sinh ngày 06/02/1989; tại: xã M L, huyện M L, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thôn 4 H, xã M L, huyện M L, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1960, con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; vợ là: D Thị Thuý Ng, sinh năm 1989 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 17/02/2024 đến ngày 26/02/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Đặng Quang D, sinh ngày 25/6/1992; tại: xã Th L, huyện Th Th, tỉnh Thanh Hoá; Nơi cư trú: thôn 1, xã Th L, huyện Th Th, tỉnh Thanh Hoá. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quang Đ, sinh năm 1957, con bà Trần Thị C, sinh năm 1957; vợ là: Hoàng Thị Hồng V, sinh năm 1998 và 01 con sinh năm 2020. Bị tạm giữ từ ngày 17/02/2024 đến ngày 26/02/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9. Ngô Minh L, sinh ngày 01/8/1980; tại: xã M L, huyện M L, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: thôn 4 H, xã M L, huyện M L, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp:

lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn N, sinh năm 1953, con bà Trần Thị L, sinh năm 1958; vợ là: Tạ Thị D, sinh năm 1982 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 17/02/2024 đến ngày 26/02/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Đinh Thị Ph, sinh năm 1979

Trú tại: xóm S B, xã V N, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Có mặt tại phiên toà.

*** Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1988; trú tại: thôn 2 H, xã M L, huyện M L, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên toà.

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1996; trú tại: tổ dân phố Đ C, xã N V, huyện V Y, tỉnh Vình Phúc. Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16 tháng 02 năm 2024, Nguyễn Như S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Như Th, Nguyễn Như M, Ngô Minh L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Duy Kh, Đặng Quang D, Nguyễn Bá H, Nguyễn Văn N, cùng nhau đi từ huyện M L, Thành phố Hà Nội đến Đền Chúa thác Bờ tại tỉnh Hoà Bình tham quan du lịch. Đến chiều tối cùng ngày thì cả 11 người thuê 03 phòng nghỉ tại khu du lịch Đảo Dừa thuộc xóm Săm Bờ, xã V N, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình nghỉ lại qua điêm ở đó. Đến 08 giờ 30 phút sáng ngày 17/02/2024 trong khi đợi thuyền đón về, Nguyễn Như S, nảy ý định đánh bạc nên cầm theo một bộ bài tú lơ khơ lấy tại phòng 303 của khu nghỉ dưỡng sang phòng 302 nói với Q, Th, M, B đang ở trong phòng "trong lúc chờ thuyền, anh em mình làm tý nhỉ". Mọi người nghe vậy và thấy S cầm một bộ bài trên tay thì cả bốn người hiểu ý là S rủ đánh bạc nên đồng ý cùng ngồi xuống giường ngủ gần cửa ra vào của phòng 302 để đánh bạc. Cả 05 người thống nhất đánh bạc dưới hình thức đánh Sâm được thua bằng tiền với tỷ lệ Thắng thua là 10.000đ/lá bài, trường hợp ván bài có người báo Sâm Thắng thì mỗi người chơi còn lại phải trả cho người Thắng 200.000đ, nếu báo Sâm bị chặn thì người báo phải tra cho người chặn báo số tiền Th được khi báo sâm thành công. Người nào đánh 2 bị chặn tứ quý thì phải trả cho người chặn tứ quý 150.000đ; người nào bị khê bài thì phải trả cho người Thắng ván bài số tiền 150.000đ.

Các bị cáo đánh bạc đến 09 giờ 30 phút cùng ngày có Đặng Quang D, Ngô Minh L, Nguyễn Duy Kh đi ăn sáng về vào phòng 302 thấy mọi người đang đánh bạc. Kh cũng muốn tham gia đánh bạc nên nói "thêm chiếu nữa cho anh em chơi với". Nghe vậy S quay sang nói với L, D, Kh là "mấy anh em muốn chơi thì sang bên này chơi cho rộng" đồng thời đứng dậy cầm tiền sang bên giường gần sát tường nhà vệ sinh phòng 302 ngồi đánh bạc cùng D, Kh, L. Lúc này Kh tìm thấy một bộ

bài tú lơ khơ ở khe giữa đệm và thành tường sát nhà vệ sinh lên để đưa cho S chia bài cùng nhau đánh bạc dưới hình thức chơi Sâm được thua bằng tiền và quy ước tỷ lệ Thắng thua như chiếu bạc trước. Một lúc sau, Nguyễn Như Th đi vào phòng 302 thông báo giờ thuyền đến đón mọi người rời đảo thì thấy có 8 người đang đánh bạc trên 02 chiếu nên đứng xem ở chiếu thứ nhất gần cửa ra vào phòng 302. Sau đó M có việc đi ra ngoài nên nói với Th là "cầm hộ bài mấy ván" nghe vậy Th không nói gì và đồng ý cầm tiền và bài của M đến đánh bạc.

Các đối tượng đánh bạc đến 10 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Đà B kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang 08 đối tượng đang đánh bạc. Tại chiếu bạc thứ nhất trên giường gần cửa ra vào gồm Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn B, Nguyễn Như Th thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.535.000đ (năm triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) và 55 (năm mươi lăm) lá bài tú lơ khơ. Tại chiếu bạc thứ hai trền giường gần nhà vệ sinh gồm Nguyễn Như S, Nguyễn Duy Kh, Đặng Quang D và Ngô Minh L thu giữ số tiền 8.245.000đ (tám triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và 48 (bốn mươi tám) là bài tú lơ khơ.

Kết luận giám định số 141/KL-KTHS ngày 19/03/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự tỉnh Hoà Bình kết luận số tiền 13.780.000đ gồm "153 (một trăm năm mươi ba) tờ tiền gửi giám định là tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành (tiền thật).

Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 17/5/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đà B truy tố các bị cáo Nguyễn Như S, Nguyễn Duy Kh, Nguyễn Như M, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn B, Nguyễn Như Th, Đặng Quang D và Ngô Minh L về tội: "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng như bản cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo: Nguyễn Như S, Nguyễn Duy Kh, Nguyễn Như M, Nguyễn Văn B, Nguyễn Như Th, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Th, Đặng Quang D, Ngô Minh L phạm tội: "Đánh bạc".

**** Về hình phạt chính đề nghị Hội đồng xét xử:***

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Như S** từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, buộc thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Duy Kh** từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, buộc thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Ngô Minh L** từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, buộc thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Đặng Quang D** từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, buộc thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Văn Th** từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, buộc thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Văn Q** từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, buộc thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Văn B** từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, buộc thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Như M** từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, buộc thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Như Th** từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, buộc thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

**** Về hình phạt bổ sung:*** Do các bị cáo là lao động tự do điều kiện kinh tế còn khó khăn, hầu hết đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- *Về xử lý vật chứng*: đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu xung công quỹ Nhà nước:

- Số tiền 8.245.000đ (tám triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hoà Bình.

- Số tiền 5.535.000đ (năm triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hoà Bình.

+ Tịch thu tiêu huỷ:

- 01 phong bì niêm phong có đóng dấu giáp lai của cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Đà B có chứa 48 quân bài tú lơ khơ.

- 01 phong bì niêm phong có đóng dấu giáp lai của cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Đà B có chứa 55 quân bài tú lơ khơ.

+ Các đồ vật, tài sản khác được thu giữ trên người của các bị cáo gồm:

- Số tiền 3.300.000đ (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu đen, số Imei 863.138.064.811.080 được thu giữ trên người người của Nguyễn Văn Q.

- Số tiền 440.000đ (bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X, màu vàng, số Imei 353.097.102.471.413; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F11 màu xanh, Imei 836.880.047.136.974 được thu giữ trên người của Nguyễn Như Th.

- Số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) và 01 điện thoại di động nhãnh hiệu Samsung M51, màu đen, số Imei 1: 535.445.627.328.64 thu giữ trên người của Nguyễn Văn Th.

- Số tiền 5.110.000đ (năm triệu, một trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di đọng nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei 356.572.082.686.070 thu giữ trên người của Nguyễn Văn B.

- Số tiền 4.300.000đ (bốn triệu, ba trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Utra 5G, màu xám, số Imei 352.650.110.540.560 thu giữ trên người của Nguyễn Duy Kh.

- 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Redmi C17, màu xanh, số Imei 867.366.041.429.579 thu giữ trên người của Đặng Quang D.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xanh, số Imei 382.848.115.852.036 thu giữ trên người của Ngô Minh L.

- 01 Điệu thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 màu xanh, số Imei 1: 866.988.040.135.898 thu giữ trên người của Nguyễn Như M.

- 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO A55, màu đen, số Imei 1: 866.787.055.802.172 thu giữ trên người của Nguyễn Như S.

Các vật chứng nêu trên được xác định không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các bị cáo nên không đề nghị xử lý.

- Về án phí: đề nghị tuyên buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, cac bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, trong phần tranh luận các bị cáo S, Kh, M, Th, Q, B, Th, D, L đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đà B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Như S, Nguyễn Duy Kh, Nguyễn Như M, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn B, Nguyễn Như Th, Đặng Quang D và Ngô Minh L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: từ 08 giờ 30 phút đến 10 giờ 30 phút ngày 17/02/2024 tại phòng nghỉ số 302, khu du lịch Đảo Dừa, thuộc xóm Săng Bờ, xã Vầy Nưa, huyện Đà B, tỉnh Hoà Bình các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh Sâm với 02 chiếu bạc:

Chiếu bạc thứ nhất gồm các bị cáo: Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn B, Nguyễn Như Th, Nguyễn Như M thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.535.000đ (năm triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) và 55 (năm mươi lăm) lá bài tú lơ khơ.

Chiếu bạc thứ hai gồm các bị cáo Nguyễn Như S, Nguyễn Duy Kh, Đặng Quang D và Ngô Minh L thu giữ số tiền 8.245.000đ (tám triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và 48 (bốn mươi tám) lá bài tú lơ khơ.

Xét các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật và nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự địa phương; số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc đủ định lượng theo quy định của Điều 321 Bộ luật hình sự. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà B truy tố các bị cáo S, Kh, D, L, Th, Q, B, Th, M về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và mức hình phạt đối với các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra các bị cáo: Đăng Quang D có ông ngoại là liệt sĩ, bản thân bị cáo là quân nhân đã xuất ngũ; Ngô Minh L có bố đẻ là bệnh binh; Nguyễn Như S là quân nhân đã xuất ngũ, S và Nguyễn Như M có ông ngoại người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba; Bị cáo Nguyễn Như Th có ông nội là người có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến Hạng nhì và Huân chương chiến sĩ giải phóng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về vai trò và mức hình phạt đối với các bị cáo: trong vụ án các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, thống nhất, phân công từ trước việc các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc có tính chất nhất thời, bột phát trong thời gian chờ thuyền đến đón khỏi khu du lịch Đảo Dừa nên cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc do vậy hành vi đánh bạc của các bị cáo không thuộc trường đồng phạm có tổ chức hoặc phạm tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc theo quy định tại điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc tương ứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội đã gây ra.

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Như S là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ để thực hiện hành vi phạm tội tại chiếu bạc thứ nhất, đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia đánh bạc tại chiếu bạc thứ hai cho đến khi bị bắt. Bị cáo Nguyễn Duy Kh là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ phương tiện thực hiện hành vi đánh bạc tại chiếu bạc thứ hai, bị cáo Ngô Minh L là hiểu biết, được tuyên trường chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước hơn so với các bị cáo khác nhưng không can ngăn các đối tượng khác mà còn tích cực tham gia đánh bạc tại chiếu bạc thứ 2. Nên các bị cáo S, Kh, L phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn so với các bị cáo khác; tại chiếu bạc thứ 2 còn có bị cáo Đặng Quang D tham gia đánh bạc chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt về hành vi đánh bạc với số tiền đánh bạc là 8.245.000đ.

Đối với Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn B, Nguyễn Như M, Nguyễn Như Th phải chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt về hành vi đánh bạc tại chiếu bạc thứ nhất với số tiền 5.535.000đ.

Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng do vậy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ để cải tạo giáo dục bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: do các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Đối với bà Đinh Thị Phấn - Chủ cơ sở kinh doanh nghỉ dưỡng Đảo Dừa, nơi các bị cáo sử dụng phòng 302 để thực hiện hành vi đánh bạc. Bà Phấn không có thoả thuận, hoặc cho các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc để hưởng lợi ích vật chất; khi phát hiện có biểu hiện nghi vấn về hành vi đánh bạc trong phòng nghỉ nơi mình quản lý bà Phấn thông tin cho cơ quan Cảnh sát điều tra để kịp thời bắt quả tang hành vi phạm tội của các bị cáo, nên bà Phấn không phải chịu trách nhiệm liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo. Khi bắt quả tang hành vi đánh bạc của các bị cáo tại phòng nghỉ 302 cơ quan Điều tra không thu giữ tài sản, vật dụng gì tại phòng nghỉ, bà Phấn không có ý kiến đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với anh Nguyễn Bá H, Nguyễn Văn N là người đi cùng đoàn tham quan nhưng không thực hiện hành vi đánh bạc nên được xác định là người làm chứng trong vụ án.

[6] Về vật chứng:

** Đối với số tiền thu giữ trên 02 chiếu bạc, và 02 bộ bài là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần án dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý cụ thể như sau:*

- Tịch thu xung công quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 8.245.000đ (tám triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hoà Bình.

+ Số tiền 5.535.000đ (năm triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hoà Bình.

- Tịch thu tiêu huỷ:

- 01 phong bì niêm phong có đóng dấu giáp lai của cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Đà Bắc có chứa 48 quân bài tú lơ khơ.

- 01 phong bì niêm phong có đóng dấu giáp lai của cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Đà Bắc có chứa 55 quân bài tú lơ khơ.

** Các đồ vật, tài sản khác được thu giữ trên người của các bị cáo gồm:*

- Số tiền 3.300.000đ (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu đen, số Imei 863.138.064.811.080 được thu giữ trên người người của Nguyễn Văn Q.

- Số tiền 440.000đ (bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X, màu vàng, số Imei 353.097.102.471.413; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F11 màu xanh, Imei 836.880.047.136.974 được thu giữ trên người của Nguyễn Như Th.

- Số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) và 01 điện thoại di động nhãnh hiệu Samsung M51, màu đen, số Imei 1: 535.445.627.328.64 thu giữ trên người của Nguyễn Văn Th.

- Số tiền 5.110.000đ (năm triệu, một trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei 356.572.082.686.070 thu giữ trên người của Nguyễn Văn B.

- Số tiền 4.300.000đ (bốn triệu, ba trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Utra 5G, màu xám, số Imei 352.650.110.540.560 thu giữ trên người của Nguyễn Duy Kh.

- 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Redmi C17, màu xanh, số Imei 867.366.041.429.579 thu giữ trên người của Đặng Quang D.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xanh, số Imei 382.848.115.852.036 thu giữ trên người của Ngô Minh L.

- 01 Điệu thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 màu xanh, số Imei 1: 866.988.040.135.898 thu giữ trên người của Nguyễn Như M

- 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO A55, màu đen, số Imei 1: 866.787.055.802.172 thu giữ trên người của Nguyễn Như S.

Các vật chứng nêu trên được xác định không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các bị cáo là có căn cứ nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: **các bị cáo Nguyễn Như S, Nguyễn Duy Kh, Ngô Minh L, Nguyễn Như M, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn B, Nguyễn Như Th, Đặng Quang D phạm tội: "Đánh bạc".**

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Như S** 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Duy Kh** 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Ngô Minh L** 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Đặng Quang D** 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Văn Th** 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Văn Q** 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Văn B** 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Như M** 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt **Nguyễn Như Th** 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng.

Giao các bị cáo Nguyễn Như S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Như Th, Nguyễn Như M cho Uỷ ban nhân dân xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao các bị cáo: Ngô Minh L, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Th cho Uỷ ban nhân dân xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Duy Kh cho Uỷ ban nhân dân xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Đặng Quang D cho UBND xã Thạch L, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giáo sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu xung công quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 8.245.000đ (tám triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hoà Bình.

+ Số tiền 5.535.000đ (năm triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hoà Bình.

- Tịch thu tiêu huỷ:

- 01 phong bì niêm phong có đóng dấu giáp lai của cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Đà B có chứa 48 quân bài tú lơ khơ.

- 01 phong bì niêm phong có đóng dấu giáp lai của cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Đà B có chứa 55 quân bài tú lơ khơ.

Đặc điểm vật chứng như biên bản bàn giao ngày 22/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đà B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đà B, tỉnh Hòa Bình.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Như S, Nguyễn Duy Kh, Nguyễn Như M, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn B, Nguyễn Như Th, Đặng Quang D và Ngô Minh L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Đà B;
- CQĐT, CQTHAHS huyện Đà B;
- THADS huyện Đà B;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi NVLQ
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Luu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Trung